

PHỤ LỤC 1:

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 242/CV-BVTWTN ngày 04/03/2025)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
1	Khí CO ₂	Nạp trong chai/ bình đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; ISO 13485 & TCVN 5778; Khối lượng khí 25 kg CO ₂ /chai; Vỏ chai được kiểm định an toàn kỹ thuật, có giấy phép lưu hành	Bình	300
2	Khí Nitơ tinh khiết	Nạp trong chai dung tích 40 lít, đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; ISO 13485; QCVN 4-17:2010/BYT. Vỏ chai được kiểm định an toàn kỹ thuật, có giấy phép lưu hành	Bình	200
3	Oxy khí y tế (Bình 40 lít)	Nạp trong chai dung tích 40 lít, đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; ISO 13485; Áp suất làm việc ≥ 135 bar ($\pm 5\%$); Vỏ chai được kiểm định an toàn kỹ thuật, có giấy phép lưu hành	Bình	100
4	Oxy khí y tế (Bình nhỏ)	Nạp trong chai dung tích từ 5 đến 10 lít/ bình, đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; ISO 13485; Vỏ chai được kiểm định an toàn kỹ thuật, có giấy phép lưu hành	Bình	10,000
5	Oxy lỏng y tế	Độ thuần $\geq 99,6\%$. Nạp trực tiếp vào bồn chứa chuyên dụng, đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; ISO 13485;	Kg	900,000
6	Nitơ lỏng	Nạp trong bình chứa chuyên dụng, đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016/2017; QCVN 4-17:2010	Kg	2,000
7	Khí Argon	Nạp trong chai dung tích 40 lít, đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; ISO 13485; Vỏ chai được kiểm định an toàn kỹ thuật, có giấy phép lưu hành	Bình	10
8	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm điện tự động, đầu xoắn 50ml	Xylanh 50ml làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xylanh có kết cấu đầu xoắn để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện, gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Vạch chia nhỏ nhất ≤ 1 ml tiện sử dụng cho trẻ em. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	90,000
9	Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml	Xylanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh, được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	1,000,000
10	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	Xylanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh, được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	76,000
11	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	Xylanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh, được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	420,000
12	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml	Xylanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh, được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	12,000
13	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Xylanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh, được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	1,000,000
14	Bơm cho ăn 50ml	Xylanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Đốc xy lanh lắp vừa dây cho ăn. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1 ml để tiện sử dụng cho trẻ em. Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	40,000

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
15	Kim bướm người lớn	Đầu nối được làm bằng nhựa trong y tế cao cấp. Nắp đầu nối, nắp đẩy kim và cánh bướm được làm bằng nhựa y tế cao cấp, kim sắc làm từ thép không gỉ, nòng kim có thành mỏng, đầu góc xiên vát ngăn giúp lấy ven dễ dàng. Đóng gói 1bộ/túi. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	10,000
16	Kim bướm nhi	Đầu nối được làm bằng nhựa trong y tế cao cấp. Dùng cho trẻ em. Nắp đầu nối, nắp đẩy kim và cánh bướm được làm bằng nhựa y tế cao cấp, kim sắc làm từ thép không gỉ, nòng kim có thành mỏng, đầu góc xiên vát ngăn giúp lấy ven dễ dàng. Đóng gói 1bộ/túi. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Dùng được với tất cả các loại Bộ dây truyền dịch	Bộ	30,000
17	Kim buồng truyền	Kim truyền buồng tiêm cấy dưới da. Ống dây và đầu nối được làm từ nhựa PVC. Kích thước đầu nối phù hợp. Van đóng mở được làm từ nhựa PP. Nắp đầu nối hỗ trợ được làm từ nhựa PE. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	660
18	Kim châm cứu	Chiều dài kim từ 13-100mm. Kim châm cứu đốc đồng. Thân kim tối thiểu sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	120,000
19	Kim chích máu	Đầu kim làm bằng thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn, dùng với bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	40,000
20	Kim chọc dò tủy sống	Dùng để chọc dò tủy sống. Cỡ kim G18/ G20/ G22/ G25/ G27, sắc bén. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	30,000
21	Kim gậy tê đám rối	Kim gậy tê đám rối: Kim 20G dài 100mm và 22G dài 50mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	1,000
22	Kim lấy thuốc	Kim sắc. Tiệt trùng. Không gây sót, không độc tố. Dùng để lấy thuốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	1,000,000
23	Kim lấy máu	Kim sắc. Tiệt trùng. Không gây sót, không độc tố. Dùng để lấy máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	750,000
24	Kim luồn dùng cho Trẻ em	Kim luồn có cánh, không cửa. Dùng cho trẻ em. Đường kính và độ dài catheter: $\geq 0.7\text{mm} \times 19\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	Chiếc	9,000
25	Kim luồn tĩnh mạch	Kim luồn có cánh, có cửa. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G; 22G; 20G; 18G; 16G; 14G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	Chiếc	300,000
26	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn. Các cỡ khác nhau: 24G; 22G; 20G; 18G; 16G; 14G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	Chiếc	30,000
27	Miếng dán cố định kim luồn	Băng Polyurethane (P.U) 6.7cm x 10cm hình oval, không chứa Latex, trong suốt, không thấm nước. Độ bền kéo 2.0kg/12mm \pm 200g, đường xé rãnh 7mm x 25mm chuyên dùng cố định kim luồn. Phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm \pm 30g an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	90,000
28	Kim nha khoa	Cỡ kim: 27G. Tiệt trùng. Vật liệu: không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	Chiếc	3,000
29	Khí sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh	Sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương, sau phẫu thuật. Thành phần: Argon độ tinh khiết tuyệt đối. H ₂ O < 3 ppm; N ₂ < 5 ppm; Oxygen < 2ppm. Bình chứa: Bình hợp kim nhôm dung tích ≥ 8 lít. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Bình	4,000
30	Clip cầm máu nội soi tiêu hóa các cỡ	Kẹp cầm máu dùng một lần, dùng để cầm máu vết thương có kích thước nhỏ. Đường kính ống ngoài 2,6mm. Phù hợp với ống soi có đường kính kênh làm việc $\geq 2,8\text{mm}$. Độ dài ngàm: $\geq 7,5\text{mm}$. Chiều dài làm việc $\geq 1650\text{mm}$. Loại tay cầm lắp sẵn, xoay được. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	660
31	Clip cầm máu titan	Clip kẹp mạch máu titan cỡ M, L. Clip hình chữ V có cấu tạo rãnh hình tim, ngăn ngừa vỡ mạch máu và chống tuột. chiều rộng $\geq 5.33\text{mm}$, chiều cao $\geq 7.51\text{mm}$, chiều dài clip khi đóng 9.27mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1,500
32	Clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ	Clip kẹp mạch máu chất liệu polymer không tiêu, không dẫn điện, không dẫn nhiệt và không ảnh hưởng đến CT, MRI và X-quang. Cơ chế kẹp lạnh và gai dọc thân clip với chân bám 360 độ chống trượt. Các cỡ M, ML, L, XL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	8,790

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
33	Hemo Clip xoay 360 độ	Chiều dài làm việc $\geq 1650\text{mm}$; 1950mm ; 2300mm . Tương thích với đường kính kênh dụng cụ $\geq 2,8\text{mm}$. Độ mở góc ≥ 115 độ. Đường kính $\geq 9\text{mm}$, 11mm , 13mm , 16mm . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	310
34	Kim sinh thiết dạ dày, đại tràng (có kim định vị, cốc có răng cưa), kim làm test Hp	Phù hợp với kênh dây soi $\geq 2.8\text{mm}$. Chiều dài kim: $\geq 1600\text{mm}$; 1800mm ; 2000mm ; 2300mm ; độ mở miệng kim ≤ 110 độ. Thân kim bằng thép không gỉ, không vỏ bọc/ có vỏ bọc. Ngâm hình oval hoặc ngâm cá sấu, có hoặc không có kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	400
35	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao được thiết kế để cắt và chọc thủng mô. Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ số 3 và 4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	30,000
36	Tay dao hàn mạch dạng kéo	Tay dao hàn mạch mổ mở, hàm thon nhọn, hàm phủ chống dính, chiều dài 21 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	30
37	Tay dao hàn mạch dùng cho mổ mở	Tay dao hàn mạch mổ mở hàm phủ chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm, đường kính thân dao 5mm, quay ≥ 350 độ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	30
38	Tay dao hàn mạch dùng cho mổ mở nội soi	Tay dao hàn mạch mổ nội soi hàm phủ chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37 cm, đường kính thân dao 5mm, quay ≥ 350 độ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	30
39	Tay dao siêu âm mổ mở (5in*13cm)	Tay dao siêu âm mổ mở, đầu cong, chiều dài thân dao $\leq 13\text{cm}$, đường kính thân dao 5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
40	Tay dao siêu âm mổ mở (5in*26cm)	Tay dao siêu âm mổ mở, đầu cong, chiều dài thân dao $\leq 26\text{cm}$, đường kính thân dao 5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
41	Tay dao siêu âm mổ nội soi (5in*39cm)	Tay dao siêu âm mổ nội soi, đầu cong, chiều dài thân dao $\leq 39\text{cm}$, đường kính thân dao 5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
42	Tay dao và lưỡi dao mổ điện cực	Tay dao mổ điện sử dụng một lần, đầu điện cực phủ lớp chất liệu tối thiểu từ polymer Elastomeric, chiều dài dây 3m, hộp đựng đi kèm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
43	Sản phẩm chống dính trong phẫu thuật 2.5ml	Thành phần chứa: 2,5ml Gel natri hyaluronate được tiệt trùng, hàm lượng 10mg/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	1,500
44	Sản phẩm chống dính trong phẫu thuật 5ml	Thành phần: 5ml Gel natri hyaluronate được tiệt trùng, hàm lượng 10mg/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	1,500
45	Găng khám dài các cỡ	Găng tay được làm từ chất liệu cao su tự nhiên có phủ bột, nhám đầu ngón tay. Chiều dài tối thiểu 280mm; Có độ đàn hồi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	240,000
46	Găng khám ngắn các cỡ	Găng tay được làm từ chất liệu cao su tự nhiên có phủ bột, nhám đầu ngón tay. Chiều dài tối thiểu 240mm; Có độ đàn hồi. Độ dày ngón tay tối thiểu khoảng 0,08mm, độ dày lòng bàn tay tối thiểu khoảng 0,08mm; Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm ² . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	1,200,000
47	Găng sản khoa các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, chưa tiệt trùng. Có độ đàn hồi. Chiều dài tối thiểu 450mm, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	7,200
48	Găng tiệt trùng các cỡ	Là găng tay phẫu thuật tiệt trùng, có bột. Chất liệu cao su. Có độ đàn hồi. Đủ các kích cỡ: 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5; 9. Đóng gói mỗi túi/ 1 đôi riêng biệt có phân biệt trái phải. Chiều dài tối thiểu 280mm. độ dày tối thiểu 0,1 mm. Hàm lượng bột < 10mg/dm ² . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	240,000
49	Găng vệ sinh	Găng tay cao su tự nhiên, dài tối thiểu 45 mm. Lòng bàn tay có các đường vân hoa văn chống trơn, dễ mang. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	2,400
50	Khẩu trang giấy 3 lớp tiệt trùng	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng: 2 lớp ngoài vải không dệt, Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương..	cái	300,000
51	Khẩu trang y tế	Khẩu trang ≥ 3 lớp bao gồm: Lớp ngoài và lớp trong cùng: làm từ 3 lớp vải không dệt chất liệu tối thiểu từ PP (Polypropylene) chống thấm hút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1,000,000

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
52	Mũ giấy phẫu thuật (vô trùng)	Vải không dệt tối thiểu từ polypropylen. Không kích ứng da. Độ co giãn tốt. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	300,000
53	Mũ giấy phẫu thuật thường	Vải không dệt không hút nước $\geq 14\text{g/m}^2$ và dây thun đôi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	cái	100,000
54	Chỉ choromic catgut số 1	Chỉ tiêu Catgut Chromic số 1, chỉ dài ≥ 70 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 40 mm. Chỉ vẫn còn sức căng sau 21 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 52 đến 76 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	4,320
55	Chỉ lạnh	Chỉ lạnh được làm 100% bằng sợi cotton, khả năng gây dị ứng cho người sử dụng ít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	120
56	Chỉ nylon 1/0	Chỉ nylon không tiêu số 1/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	1,200
57	Chỉ nylon 2/0	Chỉ nylon không tiêu số 2/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	12,000
58	Chỉ nylon 3/0	Chỉ nylon không tiêu số 3/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 24mm. Là Chỉ đơn sợi, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	24,000
59	Chỉ nylon 4/0	Chỉ nylon không tiêu số 4/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	12,000
60	Chỉ nylon 5/0	Chỉ nylon không tiêu số 5/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	9,000
61	Chỉ nylon 6/0	Chỉ nylon không tiêu số 6/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	2,000
62	Chỉ nylon 7/0	Chỉ nylon không tiêu số 7/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	2,000
63	Chỉ Nylon 10/0	Chỉ khâu mắt sợi đơn Nylon 10-0 màu đen, dài ≥ 30 cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài 6.2mm, đường kính 0,15mm, độ cong 3/8. Tiệt trùng. Kim thép không gỉ, phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	600
64	Chỉ Peclon	Chỉ Peclon là loại chỉ không tiêu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	120
65	Chỉ không tiêu tổng hợp số 3/0	Chỉ không tiêu Polypropylene số 3/0, là chỉ đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 26mm, 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu cắt taper, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	900
66	Chỉ không tiêu tổng hợp số 4/0	Chỉ không tiêu Polypropylene số 4/0, là chỉ đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 22mm, 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu cắt taper, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	600
67	Chỉ không tiêu tổng hợp số 6/0	Chỉ không tiêu Polypropylene số 6/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu cắt 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn, kim được phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	720
68	Chỉ không tiêu tổng hợp số 7/0	Chỉ không tiêu, chất liệu Polypropylene. Chỉ số 7/0, dài ≥ 70 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 10mm, kim cong 3/8 vòng tròn, kim được phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	1,440

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
69	Chỉ thép liền kim	Chỉ thép dài ≥ 4 sợi dài ≥ 45 cm kim 1/2 kim tròn đầu cắt vòng kim 48mm. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	360
70	Chỉ tiêu đa sợi số 1/0	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Acid số 1/0. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	36,000
71	Chỉ tiêu đa sợi số 2/0	Chỉ tự tiêu polyglycolic acid số 2/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Kim tròn, kim dài 26mm, độ cong 1/2 vòng tròn. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	24,000
72	Chỉ tiêu đa sợi số 3/0	Chỉ tự tiêu đa sợi Polyglycolic Acid số 3/0, Chỉ dài ≥ 70 cm. Kim tròn dài 26mm cong 1/2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	20,000
73	Chỉ tiêu đơn sợi số 3/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	20,000
74	Chỉ tiêu đơn sợi số 4/0	Chỉ tự tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	14,400
75	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 2/0, chỉ dài ≥ 90 cm. Kim tam giác, kim dài 37mm, độ cong 1/2 vòng tròn. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	18,000
76	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglactine số 4/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 17mm. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	9,000
77	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 5/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglactine số 5/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn đầu nhọn 17mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	5,400
78	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 6/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglactine Chỉ số 6/0, chỉ dài ≥ 45 cm, kim tròn đầu nhọn 12mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	3,600
79	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 7/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 7/0, chỉ dài ≥ 45 cm, 2 kim tiết diện hình thang, kim 1/2C dài 8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Sợi	180
80	Băng ghim khâu cắt nối tự động trong phẫu thuật nội soi	Băng ghim khâu cắt nối tự động cho mổ nội soi. Băng ghim dài ≥ 45 mm, có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, ghim bằng Titan, băng ghim gập góc 5 điểm và ≥ 45 độ mỗi bên. Cung cấp lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	360
81	Băng ghim nội soi	Băng ghim cắt khâu dùng cho mổ nội soi ghim chất liệu titanium nguyên chất. Chiều dài băng ghim: 30mm, 45mm, 60mm có 45, 66, 90 ghim. Băng ghim nội soi loại gập góc. có 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi. Băng ghim tương thích dụng cụ có khả năng gập góc 45 độ và 5 điểm gập góc cố định mỗi bên. Băng ghim kèm lưỡi dao. Bề mặt khay chứa ghim dạng bậc thang. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	96
82	Miếng cầm máu mũi 8cm x 1.5cm x 2cm	Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate, khả năng thấm hút tốt khi ở trong chất lỏng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Miếng	700
83	Bộ dây truyền dịch có màng lọc	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ nhựa nguyên sinh. Vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14 ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, độ dài dây truyền ≥ 1700 mm. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối có cơ chế xoay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	150,000
84	Bóp bóng giúp thở (Ambu)	Chất liệu: nhựa dùng trong y tế. Bao gồm: Bóp bóng, mặt nạ, dây dẫn oxy, dùng cho người lớn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	300
85	Canuyn mayo	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	4,500
86	Canuyn mở khí quản	Được làm bằng nhựa PVC không gây độc. Có bóng, cong 90 độ. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5.0 đến 9.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	960

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
86	Canuyn mở khí quản	Được làm bằng nhựa PVC không gây độc. Có bóng, cong 90 độ. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5.0 đến 9.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	960
87	Dây hút dịch 4 mét tiệt trùng	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Chiều dài ống $\geq 4m$, có hai đầu nối, không bị bóp méo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	12,000
88	Dây hút đờm	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm có 02 phần: Khóa van và dây dẫn, được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài $\geq 55cm$, có 2 loại có nắp và không nắp, có miếng giấy thoát khí EO để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	150,000
89	Dây nối bom tiêm điện các cỡ	Chất liệu PVC y tế trong suốt, không độc tố. Kích thước I.D 1.0mm, O.D 2.0mm. Chiều dài các cỡ 150cm, 140cm, 75cm. Đã tiệt trùng, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	57,600
90	Dây oxy 2 nhánh	Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi: Ống dây mềm, chống vận xoắn. Bề mặt trơn nhẵn.- Đầu thở có 2 ống thẳng đưa vào mũi, các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn, dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gập. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	40,000
91	Dây thở oxy (Dây nối oxy)	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, có chiều dài $\geq 2.000mm$, hai đầu dây được gắn phễu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	6,000
92	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch dài ≥ 1500 mm, ID: 2.75mm, OD: 3.80mm có đầu kết nối Luer lock ABS trong suốt, chắc chắn an toàn. Thiết kế bầu đếm giọt và đầu cắm vào chai dịch chuyên được đúc nguyên khối và vô khuẩn, bầu đếm giọt có gắn liền cổng thông khí với màng lọc khuẩn. Cổng chữ Y để tiêm thuốc, dài 300mm. Cuối đường truyền, tương thích sử dụng với các loại máy truyền dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	500,000
93	Dây truyền máu	Dây truyền máu có kim 19G, có bầu đếm giọt 2 ngăn hình trụ, bộ lọc 200 micron, dây dài ≥ 150 cm chống xoắn, đầu ghim vào túi máu, không rò rỉ, tốc độ ≥ 20 giọt/ml. Đường kính: ID 2.75 mm, OD 3.8 mm, chất liệu dây và bầu đếm giọt PVC không độc. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	cái	60,000
94	Khóa 3 chạc không dây nối	Khóa 3 chạc có đầu khóa luer lock. Chất liệu thân khóa polycarbonate trong suốt, nút xoay bằng PE + MB bền bỉ. Chịu được áp lực đến 10kg/cm ² . Thể tích tồn đọng tối thiểu $\leq 0.20ml$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	cái	60,000
95	Khóa ba chạc có dây nối	Khóa 3 đường. Có 2 lỗ thông trong và 1 lỗ thông ngoài. Có van bấm khi dừng chính xác tại mỗi vị trí. Quay 360 độ. Có nắp, có vỏ và khóa xoay. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái	18,000
96	Mask bóp bóng ampu các cỡ	Có các cỡ từ 0-5. Có van 1 chiều điều chỉnh được. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái	500
97	Mask thở oxy có túi	Ống dây đảm bảo dòng chảy oxy kể cả khi dây bị xoắn, có nhiều loại chiều dài. Nhựa PVC mềm, trong suốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái	7,200
98	Mặt nạ xông khí dung	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, trong suốt, Có bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2.1m$, lòng ống có khóa chống gập. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. Các cỡ: S, M, L, XL. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái	9,000
99	Sonde dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ 5Fr-18Fr. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc dạ dày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái	24,000
100	Sonde dẫn lưu ổ bụng silicon	Sonde dẫn lưu silicon các cỡ: 3x1mm; 4x1mm; 5x1mm; 6x1 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái	1,200
101	Sonde Foley 2 nhánh	Được làm bằng cao su không độc tố, tráng silicon. Cấu tạo 2 nhánh. Kích thước đầu tip: 15-24mm, van mềm. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái	25,500

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
102	Sonde Foley 3 nhánh	Được làm bằng Cao su không độc tố, tráng silicon. Cấu tạo 3 nhánh. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: $\geq 400\text{mm}$, chiều dài phễu: $\geq 40\text{mm}$, dung tích bóng chèn: 30ml. Van cứng. Tiệt trùng. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	8,000
103	Sonde JJ	Sonde có hai đầu cong đặt trong niệu quản, có lớp phủ kháng tia bức xạ, chiều dài $26\text{cm} \pm 1$, đường kính các cỡ 3F, 4F, 5F, 6F, 6.5F, 7F, 8F. Tiệt trùng. Lưu an toàn trong cơ thể lên đến 6 tháng. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	1,500
104	Sonde Nelaton	Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ. • Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	12,000
105	Túi đựng nước tiểu	Được làm bằng vật liệu nhựa PVC. Có van chống trào ngược, có lỗ treo, chiều dài dây $\geq 90\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	30,000
106	Ống nội khí quản trẻ em không có đầu bơm các cỡ	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van không có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn $\geq 15\text{mm}$, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 4.5 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	5,000
107	Ống nội khí quản người lớn các cỡ	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn $\geq 15\text{mm}$, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 4.0 – 10.0 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	15,000
108	Túi máu ba 350ml, loại Đinh-Đinh có dung dịch bảo quản Hồng cầu có bộ phận lấy mẫu chân không.	Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu, Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Túi	10,000
109	Túi máu ba 350ml, loại Đinh-Đinh có dung dịch bảo quản Hồng cầu không có bộ phận lấy mẫu chân không.	Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu, Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. Không có bộ phận lấy mẫu chân. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Túi	15,000
110	Túi máu ba, dung tích 250ml, loại Đinh-Đinh có dung dịch bảo quản Hồng cầu có bộ phận lấy mẫu chân không.	Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Túi	10,000
111	Túi máu ba, dung tích 250ml, loại Đinh-Đinh có dung dịch bảo quản Hồng cầu không có bộ phận lấy mẫu chân không.	Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Túi	10,000
112	Túi máu đơn 250ml, có dung dịch bảo quản hồng cầu	Bộ túi máu vô trùng dùng một lần, dùng trong thu thập và bảo quản thành phần máu: Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy, có bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Túi	2,000
113	Kít thu nhận tiểu cầu đôi	Bộ thu nhận tiểu cầu bao gồm các phần ghép kín với nhau sẵn sàng sử dụng, vô trùng. Lượng bạch cầu tồn dư trong khối tiểu cầu nhỏ hơn 1×10^6 , phát hiện lượng bạch cầu bằng sensor. Hiệu suất tiểu cầu thu nhận: $\geq 6 \times 10^{11}$. Thể tích khối tiểu cầu gạn tách $500\text{ml} \pm 50\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Bộ	1,300

✓

CP
CT

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
114	Kít thu nhận tiểu cầu đơn	Bộ thu nhận tiểu cầu ghép kín với nhau sẵn sàng sử dụng, vô trùng. . Lượng bạch cầu tồn dư trong khối tiểu cầu nhỏ hơn 1×10^6 , phát hiện lượng bạch cầu bằng sensor. Có bộ phận lọc bọt khí trong quá trình truyền máu và trả máu về. Thể tích khối tiểu cầu gạn tách $250\text{ml} \pm 25\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	Bộ	400
115	Cồn 96°	Ethanol 99,9%, Dung dịch trong suốt không màu, có mùi đặc trưng. Chai $\geq 500\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	90,000
116	Cồn 70 độ	Dung dịch trong, không vẩn đục, mùi cồn đặc trưng. Dùng trong y tế. Nồng độ Ethanol 70%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	6,000
117	Cồn tuyệt đối	Công thức: $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$ hoặc $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ Ethanol tuyệt đối (Cồn tuyệt đối), là loại cồn có nồng độ $\geq 99.5\%$ ở nhiệt độ tiêu chuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	3,300
118	Cồn y tế 90 độ	Thành phần: Ethanol 90% trong suốt không màu, có mùi đặc trưng. Chai $\geq 500\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	900
119	Bông ép sọ não	Đóng gói 2 lớp, 1 lớp bằng PE, 1 lớp bằng túi ép tiệt trùng. Túi có màu chỉ thị. Được tiệt trùng, bông 100% cotton. Không hóa chất tẩy trắng. Độ ẩm $\leq 8\%$. Độ pH trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước $\leq 0,5\%$. Kích thước $1,5\text{cm} \times 5\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	5,000
120	Bông lót các cỡ	Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, 1 cuộn chiều dài $\geq 365\text{cm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	20,000
121	Bông y tế cắt miếng	Được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước $2\text{cm} \times 2\text{cm}$ đồng đều về kích thước và trọng lượng. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây. Độ ẩm: $\leq 8\%$, độ acid và độ kiềm, hàm lượng chất béo không vượt quá $0,5\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Túi	4,000
122	Bông y tế không thấm nước	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, không thấm nước (bông không hút nước). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kg	40
123	Bông y tế thấm nước 1kg	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. không mùi, mềm mịn, dai, không bị to và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dài, được cuộn thành cuộn chắc. Không độc tố, không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây. Độ ẩm: $\leq 8\%$ độ acid và độ kiềm, Hàm lượng chất béo không vượt quá $0,5\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kg	4,000
124	Băng dính cá nhân	Kích thước: $2\text{cm} \times 6\text{cm}$. Sợi vải đàn hồi, Keo oxid kẽm, miếng gạc có phủ lớp chống dính polyethylene, đảm bảo lực dính tối thiểu $2,2 \text{ N/cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	400,000
125	Băng dính dán phẫu thuật $50\text{mm} \times 70\text{mm}$	Băng dính dán phẫu thuật $50\text{mm} \times 70\text{mm}$. Được làm từ vải không dệt. Băng dính chống dị ứng không để lại tồn dư khi bóc. Mềm và thoáng khí, khả năng bám dính tốt, không gây đau, dễ tháo bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	30,000
126	Băng dính dán phẫu thuật $150\text{mm} \times 100\text{mm}$	Băng dính dán phẫu thuật $150\text{mm} \times 100\text{mm}$. Được làm từ vải không dệt. Băng dính chống dị ứng không để lại tồn dư khi bóc. Mềm và thoáng khí, khả năng bám dính tốt, không gây đau, dễ tháo bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	30,000
127	Băng dính dán phẫu thuật $100\text{mm} \times 200\text{mm}$	Băng dính dán phẫu thuật $100\text{mm} \times 200\text{mm}$. Được làm từ vải không dệt. Băng dính chống dị ứng không để lại tồn dư khi bóc. Mềm và thoáng khí, khả năng bám dính tốt, không gây đau, dễ tháo bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	30,000
128	Băng dính dán phẫu thuật $100\text{mm} \times 250\text{mm}$	Băng dính dán phẫu thuật $100\text{mm} \times 250\text{mm}$. Được làm từ vải không dệt. Băng dính chống dị ứng không để lại tồn dư khi bóc. Mềm và thoáng khí, khả năng bám dính tốt, không gây đau, dễ tháo bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	30,000
129	Băng dính dán phẫu thuật	Băng dính dán phẫu thuật $300\text{mm} \times 200\text{mm}$. Được làm từ vải không dệt. Băng dính chống dị ứng không để lại tồn dư khi bóc. Mềm và thoáng khí, khả năng bám dính tốt, không gây đau, dễ tháo bằng tay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	30,000

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
130	Băng dính lụa	Kích thước: 5cm x 5m. Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, đan dệt khoảng $\geq 44.0 \times 19.5$ sợi/cm. Lớp keo Oxide kẽm. Lõi nhựa liền với cánh bảo vệ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	42,000
131	Băng thun co giãn 10cm x 5,5m	Băng thun y tế 3 móc 10cm x 5,5m (độ dài kéo giãn). Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân... Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	750
132	Băng thun co giãn 10cm x 4,5m	Kích thước: 10cm x 4,5m, lực dính 2-9 N/cm, co giãn $\geq 90\%$, Keo hỗn hợp nóng Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	100
133	Băng gạc có lớp bạc kháng khuẩn $\geq 10\text{cm} \times 10\text{cm}$	Sợi đa thấm hút (polyacrylate), lớp lipido - colloid tẩm muối bạc sulfat. Có hàm lượng bạc sulfat trong gạc. Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 10\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	800
134	Gạc mềm hút nước	Thành phần: Vải dệt hút nước 100% cotton. Khổ $\geq 80\text{cm}$, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Mét	500,000
135	Gạc lưới vô trùng chống dính 10cm x 10cm	Gạc lưới vô trùng chống dính bao gồm các phần tử hydrocolloid, vaseline, các polymer kết dính và muối bạc. Hàm lượng bạc sulfat 0.38 - 0.62 mg/cm ² . Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 10\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	9,000
136	Gạc lưới vô trùng chống dính 10cm x 12cm	Gạc lưới vô trùng chống dính bao gồm các phần tử hydrocolloid, vaseline, các polymer kết dính và muối bạc. Hàm lượng bạc sulfat 0.38 - 0.62 mg/cm ² . Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 12\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	9,000
137	Gạc xốp, gạc miếng 10cm*10cm	Gạc xốp: có lớp xốp thấm hút polyurethan. Lớp bảo vệ vải polyurethane không dệt. Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 10\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	500
138	Gạc phẫu thuật nội soi 7,5 x 7,5	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ. Không hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngậm nước $\geq 5\text{gr}$ nước/1gr gạc. Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: $\leq 0,5\%$. Độ pH: trung tính. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	miếng	19,470
139	Dung dịch xịt phòng ngừa loét do tỳ đè	Thành phần: Acid linoleic (60%), linolenic acid, vitamin E. Chỉ số Peroxide: 50 đến 150mEq/kg. Dung tích 20ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	2,000
140	Bột bó 20cm*2,7m	Được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao. Tiệt trùng. Thời gian đông cứng ≥ 2 phút và ≤ 15 phút. Kích thước 20cm*2,7m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	6,000
141	Bột bó 10cm*2,7m	Được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao. Tiệt trùng. Thời gian đông cứng ≥ 2 phút và ≤ 15 phút. Kích thước 20cm*2,7m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	6,000
142	Bột bó 15cm*2,7m	Được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao. Tiệt trùng. Thời gian đông cứng ≥ 2 phút và ≤ 15 phút. Kích thước 20cm*2,7m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	6,000
143	Băng cuộn 0,1m*5m	Vải dệt hút nước 100% Cotton. Kích thước 0,1m*5m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	7,000
144	Băng cuộn 0,05m*2,5m	Vải dệt hút nước 100% Cotton. Kích thước 0,05m*2,5m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	3,000
145	Bông lót 10cm*3,65m	Bông lót kích thước 10cm*3,65m. Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, 1 cuộn chiều dài $\geq 365\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	3,000
146	Bông lót 15cm*3,65m	Bông lót kích thước 15cm*3,65m. Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, 1 cuộn chiều dài $\geq 365\text{cm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	3,000
147	Bông lót 20cm*3,65m	Bông lót kích thước 20cm*3,65m. Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, 1 cuộn chiều dài $\geq 365\text{cm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	3,000

✓

ĐP

ck

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
148	Dây garo có đỉnh	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn, có băng gai dính 2 đầu, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa, có thể tái sử dụng, các góc cạnh không sắc, không cứng gây trầy xước da, dị ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10,000
149	Ống nghiệm chân không EDTA K3	Ống đựng máu chân không. Chất liệu ống bằng nhựa PET Kích thước: $\geq 13 \times 75 \text{mm}$. Kích thước thành ống $\geq 0,95 \text{mm}$ Hóa chất EDTA K3 được phun sủi dạng hạt sương trên thành ống. Nồng độ tối đa 2mg/ml. Có vạch lấy mẫu 4ml trên nhãn ống Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	460,000
150	Ống nghiệm EDTA K2	Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống $\geq 12 \times 75 \text{mm}$. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2). Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c.). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	250,000
151	Ống đựng nước tiểu có nắp	Ống đựng nước tiểu nhựa có nắp F16. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	60,000
152	Ống EDTA nút xanh	Ống nghiệm được làm bằng chất liệu nhựa PVC, chứa chất chống đông EDTA nút xanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ống	150,000
153	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chống đông Sodium Citrate 3.2% 1,8ml	Ống lấy máu chân không dạng vacutainer vô trùng. Chất chống đông Sodium citrate 3,2%. Ống cấu tạo 2 lớp. Chất liệu nhựa PP/PET. Có vạch chỉ thị lượng máu. Thể tích 1,8ml $13 \times 75 \text{mm}$. . Nắp thiết kế hai lớp, không có latex, Vô khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ống	90,000
154	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu: Thủy tinh trung tính. Kích thước: đường kính: 12mm, chiều dài ống: 80mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	23,250
155	Dụng cụ kết nối ống nghiệm chân không	Là bộ phận kết nối giữa ống nghiệm chân không và kim lấy máu chân không. Chất liệu: nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	50,000
156	Ống đông máu 1ml	Thể tích lấy mẫu 1ml Chất liệu: nhựa Kích thước ống: $13 \text{mm} \times 75 \text{mm}$ Ống chứa dung dịch đệm trisodium citrate ở nồng độ 0,109 mol/L (3,2%). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100,000
157	Ống nghiệm NAF các cỡ	Ống lấy máu chân không chứa hoạt chất NaF + K2 Ox dạng phun sương thành ống, chống đông máu, đồng thời ức chế tốc độ phân hủy đường trong máu, dùng cho các xét nghiệm đường huyết. Kích thước ống: $13 \times 75 \text{mm}$ Thể tích: 2mL, 3mL, 4mL, 5mL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10,000
158	Kim lấy máu chân không ngăn dùng một lần	Kim lấy máu chân không ngăn dùng một lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	460,000
159	Kim chích lấy máu mao mạch dùng cho nhi	Kim chích lấy máu mao mạch dành cho nhi, sâu 2ml. Chất liệu: kim chích bằng thép không gỉ. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	400,000
160	Ống lấy máu chân không 2ml, chất chống đông K3EDTA	Ống lấy máu chân không, chứa chất chống đông K3EDTA Chất chống đông K3EDTA được phủ ở mặt trong của thành ống. Chất liệu: thân ống được làm từ PET. Thể tích 2ml. Kích thước ống: $13 \text{mm} \times 75 \text{mm}$; Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	500,000
161	Ống lấy máu chân không 2ml, chất chống đông Sodium Citrate 3,2%	Ống lấy máu chân không hai lòng, chất chống đông Sodium Citrate. Thể tích 2ml. Kích thước ống: đường kính ngoài 13mm; chiều dài ống 75mm; Ống chứa dung dịch đệm tri-natri citrate. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	130,000
162	Ống lấy máu chân không 4ml, chất chống đông Lithium Heparin	Ống lấy máu chân không, chứa chất chống đông Lithium Heparin. Chất chống đông Lithium Heparin được phủ ở mặt trong của thành ống. Thể tích 4ml. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	600,000
163	Ống lấy máu chân không serum 4ml, có chất kích thích đông	Ống lấy máu chân không chứa chất kích thích đông máu. Thể tích 4ml. Ống được phủ các hạt microsilica, giúp hoạt hóa sự đông máu khi ống được đảo ngược. Kích thước ống: $13 \text{mm} \times 75 \text{mm}$. Chất liệu: thân ống được làm từ PET. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	60,000

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
164	Ống lấy máu chân không xét nghiệm đường máu 2ml, chất chống đông Kali Oxalate, chất bảo quản Natri Florid	Ống lấy máu chân không chứa chất ức chế đường phân. Thể tích lấy mẫu 2ml. Ống chứa chất chống đông Kali Oxalate, chất bảo quản Natri Florid dùng trong xét nghiệm đường máu. Kích thước ống: 13mmx75mm. Chất liệu: thân ống được làm từ PET. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10,000
165	Ống lấy máu tĩnh mạch 1ml, chất chống đông Sodium Citrate 3,2%	Ống lấy máu tĩnh mạch, chất chống đông Sodium Citrate. Thể tích 1ml, ống dùng cho các xét nghiệm đông máu. Chất liệu: chất dẻo, nắp màu xanh dương. Ống chứa dung dịch đệm trisodium citrate ở nồng độ 0,109 mol/L (3,2%). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10,000
166	Ống giữ kim có nút bấm bỏ kim nhanh	Cơ chế nhả sao cho kim rơi thẳng vào thùng đựng vật sắc nhọn. Dùng được nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30,000
167	Ống lấy máu mao mạch 0.25/0.5ml, chất chống đông K3EDTA	Ống lấy máu mao mạch, chất chống đông K3EDTA. Thể tích 0.5ml. Chất liệu: nhựa PP. Mặt trong của thành ống được phủ K3EDTA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10,000
168	Bộ catheter tĩnh mạch rốn 2 nòng	Catheter mạch rốn 2 nòng dùng: Truyền các loại thuốc không tương hợp, truyền thuốc và truyền dinh dưỡng cùng lúc. Đóng gói: -01 catheter chất liệu PUR: + Dài 20cm + Cỡ 4Fr Thể tích mỗi dịch 2x0.26ml + Tốc độ truyền ≥ 1 ml/ phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	780
169	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm đặt từ đường ngoại biên cỡ 28G	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PUR + cỡ 1Fr + dài 20 cm + Tốc độ truyền dịch ≥ 0.7 ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml + 01 kim dẫn đường cỡ 24G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	4,000
170	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm từ tĩnh mạch ngoại biên cho trẻ sơ sinh thiếu tháng, cỡ 1Fr	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PUR + Cỡ 1Fr + Dài 20 cm + Tốc độ truyền dịch ≥ 0.7 ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	200
171	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Kích thước 14G x 20cm, lưu lượng nòng 120ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37°C, tính tương hợp cao. Một bộ gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cản quang rõ nét, 1 Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA, Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x 60cm, có nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr, 1 bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ, 1 kẹp, 1 kim tiêm nhỏ, 1 tếp chỉ. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	150
172	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Kích thước 7Fr x 20cm, lưu lượng các nòng Distal: 85ml/min, Proximal: 45ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37°C, tính tương hợp cao. Một bộ bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cản quang rõ nét, 1 Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA, Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr, 1 bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ, 1 Kẹp, 1 kim tiêm nhỏ. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	200

ef

✓

ce

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
173	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Kích thước 7Fr x 20cm, lưu lượng các nòng Distal: ≤52ml/min, Proximal: 26ml/min, Midal: 26ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37 ° C, tính tương hợp cao. Bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, đường cân quang rõ nét. Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA , Dây dẫn hướng Guide wire ≥0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ, đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr , 1bơm tiêm 5ml, 1 lược dao mổ, 1 kẹp giúp cố định ống Catheter, 1 kim tiêm nhỏ. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	2,400
174	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn 3,5Fr	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 3.5 Fr + Tốc độ dòng truyền dịch ≥ 6ml/ phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3,300
175	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn 4Fr	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PVC. Tốc độ dòng truyền dịch ≥16ml/ phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2,300
176	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn cỡ 5Fr	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PVC. cỡ 5 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch ≥31ml/ phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	800
177	Băng chỉ thị nhiệt hấp âm	Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Dùng cho chu trình tiệt khuẩn hơi nước. Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu nâu đen; lực dính : ≥ 8N/25mm; không chứa chì; Kích thước : ≥19mm x 50m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	250
178	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn nhiệt độ thấp	Dùng cho quy trình tiệt khuẩn công nghệ Plasma với hơi hóa chất Hydrogen Peroxide. Chỉ thị gồm một vật liệu nền bằng nhựa, không xenlulô với chất kết dính, với áp lực ở một bên và sọc chỉ thị hóa học ở phía bên kia. Vạch màu xanh lơ trên băng keo chuyển sang màu hồng sau khi qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn. Màu chỉ thị duy trì 12 tháng sau khi tiệt khuẩn. Kích thước : ≥19mm x 50m.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	15
179	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao acid peracetic	Thành phần: acid peracetic ≥ 1000 ppm (được tạo ra từ acetylcaprolactam), không chứa acid acetic. Khử khuẩn mức độ cao ≤ 5 phút. Tái sử dụng trong vòng 14 ngày (tặng kèm test thử) Diệt virus, bào tử ≤ 5 phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Lít	3,000
180	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2). Vi khuẩn: EN 14561. Nấm, mốc: EN 14562. Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563. Quy cách: Can ≥ 5L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Can	1,000
181	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ đã được hoạt hóa	Thành phần: Glutaraldehyde 2.55% (w/w), dung dịch đệm pH, nước. Can ≥ 5L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Can	100
182	Dung dịch làm sạch dụng cụ	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế chứa thành phần: Enzyme Protease subtilisin 5,0% (w/w). Quy cách: Chai ≥ 1 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Chai	1,500

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
183	Dung dịch làm sạch khử khuẩn bước đầu dụng cụ y tế	Thành phần: Didecyldimethylammonium chloride 7.5% (w/w); Polyhexamethylene Biguanide Hydrochloride 1.5% (w/w), Các enzyme (protease, lipase, amylase); chất hoạt động bề mặt nonionic; chất ức chế ăn mòn và các chất phụ gia vừa đủ 100%.. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương... Chai ≥ 1 lít	Chai	1,200
184	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần tối thiểu gồm: Chlorhexidine digluconate 4,0 %. Đóng gói: can ≥ 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	can	500
185	Dung dịch rửa tay 2%	Dung dịch rửa tay thủ thuật, thường quy Chlohexidine Gluconate 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lít	10,000
186	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần: Chlorhexidine digluconate 0,5%, Ethanol 80%, Isopropyl Alcohol 7,2 %. Quy cách ≥500ml/chai. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Chai	7,740
187	Dung dịch tẩy rửa 5 enzyme	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930, 15883 hoặc tương đương. Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa). pH = 6.8-7.3, Thời gian: từ 5 phút. Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau. Can 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	can	240
188	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzym	Thành phần tối thiểu gồm: ≤ 5% chất hoạt động bề mặt không ion và anion, có chứa Enzymes (protease). PH dung dịch: 10,4-10,8 (2-10ml/l, dựa vào nước khử ion, 20 độ C). Độ nhớt: <10 mPas (dung dịch đặc, 20 °C). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Chai	100
189	Dung dịch xịt khuẩn bề mặt và dụng cụ	Thành phần: Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%.. Chai ≥ 750ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Chai	500
190	Khăn lau máy tiết trùng	Thành phần sát khuẩn gồm muối amoni bậc 4, cồn ethanol. Ít ăn mòn vật liệu nhựa và kim loại. Kích thước: 150×300mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Hộp	240
191	Viên nén pha dung dịch khử khuẩn	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium: Dạng viên sủi tan nhanh trong nước. Một viên ≥ 5g có thành phần tối thiểu gồm: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên. Dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH: 5.0 - 6.5. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Viên	180,000
192	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiết khuẩn bằng hơi nước.	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước 2,4cm x 55m với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiết khuẩn hay chưa. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiết khuẩn và giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng. Dùng cho các chu trình tiết khuẩn hơi nước. Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2%. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA, ISO 13485...	Cuộn	100
193	Chỉ thị hóa học hơi nước tích hợp đầy đủ các thông số type 5	Chỉ thị hóa học Type 5 cho hấp ướt. Test kiểm tra gói: đặt test bên trong gói để xác định tiết khuẩn có đạt không. Đo lường ba thông số của quá trình tiết khuẩn thời gian – nhiệt độ - áp suất hơi nước. Vạch màu dịch chuyển giúp nhận biết và kiểm chứng kết quả. Thành phần: giấy 75%, Salicylamide 2-3%, Polypropylene 4%, Nhôm: 8%. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA, ISO 13485...	miếng	5,000
194	Gói thử test kiểm soát chất lượng lò tiết khuẩn hơi nước	Gói thử test dùng cho tiết khuẩn hơi nước, chứa test mực chỉ thị nhạy cảm với hơi nước không chì (Lead Free). Vạch chỉ thị màu huyền sang màu nâu/đen đồng đều trừ khi quy trình hút chân không thất bại và có hiện tượng rò rỉ khí. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485....	gói	1,200
195	Chỉ thị sinh học dùng cho tiết khuẩn hơi nước 24 phút	Chỉ thị sinh học hấp ướt cho kết quả nhanh 24 phút chu trình hút chân không. Ống chỉ thị sinh học chứa bào tử Geobacillus Stearothermophilus. Dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối. Dùng với lò tiết khuẩn hơi nước hỗ trợ hút chân không. Thành phần: Ống nhựa 50-60%, Nắp Polypropylene 20 - 25%, Dung dịch nuôi cấy 10 - 15%, Ống thủy tinh Borosilicate 5-10 %, Process Aid < 5%, Nhãn < 2%, Nylon Nonwoven < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	2,000

TR

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
196	Chi thi sinh học	Chi thi sinh học plasma cho kết quả nhanh 24 phút. Ông chi thi sinh học chứa bảo tử Geobacillus stearothermophilus. Dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn cho cá mè hấp nh... t độ thấp plasma. Đáp ứng các tiêu chuẩn của FDA, ISO 13485...	Ông	2,000
197	Chi thi hóa học đa thông số type 4	Chi thi hóa học đa thông số type 4 hơi Hydrogen Peroxide kiểm soát ba thông số - thời gian, nhiệt độ và nồng độ H2O2. Giá trị kiểm soát: Nồng độ VH2O2 - 5.1 mg/L, Thời gian tiếp xúc - 1 phút, Nhiệt độ - 50oC. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	miếng	10,000
198	độ sạch thông qua môi trường nước	Kiểm tra mức độ sạch cho những vị trí mà que đo khó quét, cần sử dụng qua đường dẫn là nước cất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	que	20,000
199	độ sạch bề mặt - UXC	Kiểm tra mức độ sạch bề mặt bằng cách quét trực tiếp lên bề mặt cần đo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	que	3,000
200	Dầu bôi trơn, đánh bóng dùng cụ y tế	Xịt bảo vệ, làm sáng bóng dùng cụ bề mặt kim loại. Thành phần: Paraffinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất điện hoạt không ion, khí propan/ butan hóa lỏng. Tỷ trọng giá trị: 0,86 g/cm3, nhiệt độ 20oC. Dung tích ≥ 0,4 lít/ Bình. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Bình	50
201	Giấy gói dùng cụ phẫu thuật tiệt trùng 60x60cm	Được làm từ 100% sợi tổng hợp polypropylene; Phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước, tiệt trùng EO, Plasma (H2O2). Kích thước: 60cm x 60cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Tờ	2,500
202	Giấy gói dùng cụ phẫu thuật tiệt trùng 90 cm x 90cm	Được làm từ 100% sợi tổng hợp polypropylene; Phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước, tiệt trùng EO, Plasma (H2O2). Kích thước: 90cm x 90cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Tờ	3,000
203	Bảng dùng hydrogen peroxide cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Bảng dùng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	120
204	Hóa chất H2O2 cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp	Thành phần: Nước 50%, hydrogen Peroxide 50%. Trạng thái: Dạng lỏng, không màu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lô	200
205	Hóa chất rửa dùng cụ của máy tiệt khuẩn	Sodiummono (2-ethylhexyl) sulphate (<3%). Không chứa phophat và silicat; 100g dung dịch chứa: < 5% anionic surfactant, < 5% non-ionic surfactants, < 5% polycarboxylates, < 5% phosphonates, enzymes, chất ức chế ăn mòn, tá dược; Màu sắc: nâu nhạt; pH: 9.3 - 10; Can ≥ 10 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Can	20
206	Dung dịch bôi trơn dùng cụ của máy tiệt khuẩn	Nước tinh khiết, chất bôi trơn, tá dược. Bảo vệ dùng cụ, ngăn ngừa ăn mòn và rỉ sét. Không chứa Silicone. Không ngăn cản khả năng thấm nhập của hơi nước trong quá trình tiệt trùng. Liều dùng: 0,2 - 2 mL/L. Màu sắc: Không màu. TI trọng (20oC): 1,0 g/cm3. Áp suất hơi (20oC): 23hPa. pH: ~9. Can ≥ 10 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Can	10
207	Dung dịch đánh tan gỉ dùng cụ y tế	Thành phần: Phosphoric acid (< 30%), 2 Phosphonobutane-1,2,4-tricarboxylic acid (< 10%); Dung dịch 100 g chứa < 30 % phosphoric acid, < 5 % phosphonates, chất ức chế ăn mòn, chất bảo quản, dung môi, tá dược; Dung loại bỏ cặn với và rỉ sét bám trên bề mặt dùng cụ thép không gỉ và buồng rửa khử khuẩn của máy rửa; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Lít	20
208	nhiệt độ thấp sử dụng Bảng dùng hydrogen peroxide	Giấy in 2 lớp dùng trong Bảng dùng hydrogen peroxide. Chiều rộng cuộn giấy: ≥ 76mm	Cuộn	20

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
209	Giấy in 2 lớp máy nhiệt độ thấp sử dụng hóa chất H2O2	Giấy in 2 lớp dùng in kết quả tiệt trùng sử dụng hóa chất H2O2. Chiều rộng cuộn giấy: ≥76mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	20
210	Giấy in nhiệt máy tiệt khuẩn hơi nước	Giấy in cho máy tiệt khuẩn hơi nước để ghi lại các thông số và kết quả của quá trình tiệt khuẩn. Giấy in cần phải chịu được nhiệt độ và độ ẩm trong quá trình tiệt khuẩn, đồng thời đảm bảo các thông tin in ra rõ ràng và dễ đọc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	100
211	Mực in 2 lớp máy nhiệt độ thấp sử dụng Băng đựng hydrogen peroxide	Mực in dùng cho máy nhiệt độ thấp, đảm bảo các thông tin in ra rõ ràng và dễ đọc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Băng	15
212	Mực in 2 lớp máy nhiệt độ thấp sử dụng hóa chất H2O2	Mực in dùng cho máy nhiệt độ thấp Tutnauer, đảm bảo các thông tin in ra rõ ràng và dễ đọc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Băng	10
213	Chỉ thị hóa học dùng cho dụng cụ nhiệt độ thấp	Đánh giá hai hoặc nhiều biến số quan trọng của quá trình tiệt trùng Plasma, H2O2 (hydrogen peroxide). Kết quả của quá trình được thể hiện qua sự chuyển màu của chỉ thị. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Test	2.000
214	Test kiểm tra độ sạch cho máy rửa dụng cụ	Chất chỉ thị màu đỏ sẫm thể hiện dư lượng máu khô và được đặt trên 1 vật thể bằng nhựa trong hình dạng bốn ô vuông. Sử dụng một lần để theo dõi thường xuyên quá trình làm sạch của các loại máy rửa khử khuẩn tự động khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Test	200
215	Túi ép dẹt 10cm x 200m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 10cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	50
216	Túi ép dẹt 15cm x 200m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 15cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	500
217	Túi ép dẹt 20cm x 200m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 20cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	500
218	Túi ép dẹt 30cm x 200m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 30cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	500
219	Túi ép dẹt 7,5cm x 200m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 7,5cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	50
220	Túi ép phòng 20cm x 100m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 20cm x 50mm x 100m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	300
221	Túi ép phòng 30cm x 100m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 30cm x 6cm x 100m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	300
222	Túi ép phòng 350mm x 100m	Cấu tạo gồm một mặt phim và mặt kia bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 35cm x 8cm x 100m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	300
223	Túi ép phòng 40cm x 100m	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng. Cỡ 40cm x 8cm x 100m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	300
224	Túi tyvek tiệt trùng dùng trong y tế (kích thước 35 cmx70m)	Cấu tạo gồm một mặt phim PET/PE và mặt kia bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Plasma, H2O2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương...	Cuộn	150
225	Test nhanh chẩn đoán cúm A/B	Phát hiện kháng nguyên virus cúm A/B trong mẫu dịch mũi họng người. Độ nhạy: ≥ 95%; Độ đặc hiệu: ≥ 95%. Không phản ứng chéo với: Coronavirus, Parainfluenza virus; RSV; Adeno Virus. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	30.000

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
226	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên viêm gan B	Phát hiện kháng nguyên HBs trong huyết thanh, huyết tương người: Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với phương pháp ELISA. Không phản ứng chéo với Dengue, syphilis, hCG, Rheumatoid factor (RF), HCV. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	180.000
227	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Phát hiện kháng thể HCV trong huyết thanh, huyết tương người: Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Không có phản ứng chéo với Hbs, anti-R.Tsutsugamushi. Anti-HBs, Anti-HIV1/2, anti-T.Pallidum, anti-Hantaan virus. Giới hạn phát hiện: 2.0 s/CO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	150.000
228	Test nhanh chuẩn đoán HIV 1/2	Phát hiện kháng thể HIV loại 1 và loại 2 và các type phụ trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người: Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với phương pháp RT-PCR. Không có phản ứng chéo với Antinuclear antibody, Hepatitis E virus, Rheumatoid factor (RF), hCG, Human anti-mouse antibody, Cytomegalovirus. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	150.000
229	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết Dengue kháng nguyên NS1	Phát hiện kháng nguyên dengue virus NS1 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người, Độ nhạy tương đối: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 95\%$ so với phương pháp RT-PCR, Không phản ứng chéo với Chikungunya, Zika, Mayaro virus và Flavivirus. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	10.000
230	Test nhanh phát hiện RSV	Phát hiện kháng nguyên RSV trong mẫu dịch mũi họng người. Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Giới hạn phát hiện: 8 HAU/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	12.000
231	Test nhanh phát hiện Adeno virus	Phát hiện chủng virus Adeno trong mẫu dịch mũi họng, mẫu phân người: Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	6.000
232	Test nhanh phát hiện hồng cầu trong phân	Phát hiện vết máu trong mẫu phân người: Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với phương pháp OC-HEMO catch light. Giới hạn phát hiện: 50 ng/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	200
233	Test nhanh phát hiện kháng nguyên H.Pylori	Phát hiện kháng nguyên H.pylori trong mẫu phân người: Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với phương pháp EIA, .Giới hạn phát hiện: 8ng/ml. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Test	250
234	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết Dengue kháng thể IgM/IgG	Phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người. Độ nhạy trong quan: $\geq 95\%$ (đối với Dengue IgM); $\geq 95\%$ (đối với Dengue IgG) so với ELISA. Độ đặc hiệu trong quan: $\geq 95\%$ (đối với Dengue IgM); $\geq 95\%$ (đối với Dengue IgG) so với ELISA. Giới hạn phát hiện ≤ 3 ug/ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	5.000
235	Test chẩn đoán giang mai	Phát hiện định tính kháng thể kháng giang mai từ huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Không phản ứng chéo với HBV, HIV-1, HCV. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE-IVD	Test	10.000
236	Test chẩn đoán kháng thể kháng lao	Phát hiện định tính kháng thể IgG/IGM trong huyết tương, huyết thanh hoặc trong máu toàn phần của người, Giúp chẩn đoán nhiễm trùng Lao.. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: $\geq 97\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Độ chính xác: $\geq 95\%$. Ngưỡng phát hiện: 350IU/ml. Độ lặp lại: 100%. Độ ổn định: 100%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE-IVD	Test	5.000
237	Test nhanh phát hiện kháng thể H.Pylori	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Dạng khay. Thẻ tích mẫu sử dụng là 10 μ l. Độ nhạy $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	3.000
238	Test nhanh viêm gan E HEV	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HEV trong Huyết tương/Huyết thanh của người nhằm chẩn đoán lây nhiễm virus Viêm Gan E. Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$ Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Ngưỡng phát hiện: 4U/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	5.000

ER

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
239	Test nhanh viên gan A HAV	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HEV trong Huyết tương/Huyết thanh của người nhằm chẩn đoán lây nhiễm virus Viêm Gan E. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Ngưỡng phát hiện: 4U/ml. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Độ chính xác: $\geq 95\%$. Độ lặp lại: 100%. Độ ổn định: $\geq 96\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	5.000
240	Test chẩn đoán TPPA bằng phương pháp ngưng kết	Xét nghiệm ngưng kết hạt gelatin để phát hiện các kháng thể kháng Treponema Pallidum trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	7.000
241	Sinh phẩm chẩn đoán giang mai RPR	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Đóng gói gồm: Test thử, Dung dịch pha loãng, Pipet mao quản, Kim chích tiệt trùng, Miếng bông thấm cotton để lấy mẫu máu chích đầu ngón tay. Độ nhạy: $\geq 95\%$ và Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với TPHA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	5.000
242	Test nhanh định tính và bán định lượng ASO	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu khuẩn. Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	2.000
243	Test nhanh định tính và bán định lượng RF	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng in- vitro của các yếu tố thấp khớp (RF) trong huyết thanh không pha loãng để phát hiện các bệnh thấp khớp. Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	5.000
244	Test nhanh chẩn đoán Malaria Pf/Pv Ag	Phát hiện phân biệt kháng nguyên P.f và P.v trong mẫu máu toàn phần (thể tích mẫu máu 5 μ). Độ nhạy: $\geq 99\%$ (P.f), 95% (P.v). Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Bảo quản ở nhiệt độ 1-40°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	1.000
245	Test nhanh chẩn đoán Rotavirus Ag	Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân. Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ và tương quan $\geq 95\%$ với RT-PCR. Dạng khay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	5.000
246	Test nhanh chẩn đoán EV71 IgG/IgM	Phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71 trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Thể tích mẫu: 5 μ l huyết thanh hoặc huyết tương; Không có phản ứng chéo với E. coli; liên cầu đường ruột, virus Adeno. Ngưỡng phát hiện: 3.9X10 ² .0 TCID50/ml. Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	5.000
247	Test nhanh chẩn đoán StrepA	Phát hiện định tính kháng nguyên liên cầu khuẩn nhóm A (Strep A) hiện diện trong mẫu dịch họng của các bệnh nhân có triệu chứng lâm sàng. Độ nhạy: $\geq 95\%$ so với FIA đánh giá trên 57 mẫu. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với FIA đánh giá trên 136 mẫu. Độ chính xác: 99%; Độ tái lặp: 100%. Giới hạn phát hiện: 3.9 x 10 ⁵ organism/ml. Test bao gồm chứng âm, chứng dương. Đóng gói từng test trong túi riêng biệt, có gói hút ẩm cho từng test.	Test	3.000
248	Test nhanh chẩn đoán HBeAg	Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên vỏ HBeAg trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$.	Test	10.000
249	Test nhanh chẩn đoán Morphine	Phát hiện định tính sự có mặt Morphine trong nước tiểu ở người giúp cho việc chẩn đoán nhanh. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Độ chính xác: $\geq 95\%$. Ngưỡng phát hiện: 300ng/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	100.000
250	Test nhanh chẩn đoán HCG	Que thử thai nhanh HCG Allisa được sử dụng để định tính hormone HCG trong nước tiểu người, giúp phát hiện sớm thai kỳ (7 - 10 ngày sau khi thụ thai). Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	10.000
251	Test nhanh chẩn đoán MDMA	Test nhanh chẩn đoán DOA Multi 5 Drug Amvi (MOP – MDMA – KET – MET – THC) dựa trên nguyên tắc các phản ứng miễn dịch hóa học đặc biệt của kháng nguyên và kháng thể, được sử dụng để phân tích các hợp chất cụ thể trong nước tiểu người. Độ nhạy $\geq 96\%$; độ đặc hiệu $\geq 96\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	100.000

✓

ER
etc

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
252	Test nhanh chẩn đoán THC	Test phát hiện sử dụng chất gây nghiện THC dùng để định tính phát hiện 11-nor-D9-THC-9 COOH, chất chuyển đổi của Marijuana trong nước tiểu khi nồng độ của chất này trong nước tiểu đạt tới giá trị giới hạn (cut-off) là $\leq 50\text{ng/mL}$, đủ để khẳng định đã sử dụng chất gây nghiện Marijuana. Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	100.000
253	Test nhanh chẩn đoán Alphetamine	Kit thử nhanh phát hiện chất gây nghiện AMP là xét nghiệm định tính phát hiện AMP trong nước tiểu khi nồng độ vượt ngưỡng 1000ng/ml . Độ nhạy $\geq 96\%$; độ đặc hiệu $\geq 96\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	100.000
254	Test nhanh chẩn đoán Test 4 chân	Que thử ma túy test nhanh các chất gây nghiện như Cỏ Mỹ, Ma Túy Đá, Heroin, Thuốc Phiện, ma túy Tổng Tợp, Thuốc Lắc, Morphine và một số loại khác có trong thuốc chữa bệnh, Cần Sa,... Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Test chẩn đoán ma túy 4 chân giúp phát hiện được chính xác cùng lúc 4 nhóm ma túy mà không cần phải thử nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	100.000
255	Test nhanh Chlamydia	Phát hiện định tính sự có mặt của kháng nguyên Chlamydia trong phết tế bào cổ tử cung, hỗ trợ chẩn đoán nhiễm Chlamydia. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Bảo quản nhiệt độ: $8-30^\circ\text{C}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	1.000
256	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV	Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	10.000
257	Test nhanh chẩn đoán HCVAb	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai. Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	60.000
258	Test nhanh chẩn đoán Influenza Ag	Test chẩn đoán nhanh cúm A, B; Độ nhạy $\geq 95\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Dạng que. Sản phẩm không có phản ứng chéo với 32 chủng virus và vi khuẩn gồm Adenovirus type 3, type 6, type 21, CMV, Echovirus type 2, type 5, type 11, HSV, Mumps Virus Ag, Parainfluenza type 1 Strain Sentai, RSV- A2 Strain, Mycoplasma pneumoniae, Bordetella pertussis, Klebsiella pneumoniae, Legionella pneumophila. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	10.000
259	Test nhanh chẩn đoán cúm H1N1	Phát hiện và phân biệt các kháng nguyên virus cúm A, cúm B, và cúm A (H1N1) từ mẫu tăm bông dịch mũi/họng/hầu họng hoặc mẫu dịch hút từ mũi/hầu họng. Dạng que. Độ nhạy: cúm A ($\geq 95\%$), cúm B ($\geq 85\%$), H1N1 ($\geq 75\%$), độ đặc hiệu: cúm A ($\geq 95\%$), cúm B ($\geq 95\%$), H1N1 ($\geq 95\%$) so với RT-PCR. Không có phản ứng chéo với 17 loài vi khuẩn, 15 loài virus và 27 loài virus cúm phụ khác. Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	500
260	Test nhanh chẩn đoán Covid	Phát hiện định tính kháng nguyên nucleocapsid đặc hiệu đối với SARS-CoV-2 trong mẫu tăm bông ty hầu. Độ nhạy: $\geq 85\%$ so với RT-PCR. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ so với RT-PCR. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	2.000
261	Test nhanh chẩn đoán Cúm (A/B)+RSV	Phát hiện định tính đồng thời cúm tít A, cúm tít B và vi-rút hợp bào đường hô hấp từ mẫu tăm bông mũi, mẫu dịch hút hoặc dịch rửa ty hầu. Không có phản ứng chéo nào với các tác nhân thường gây bệnh nhiễm trùng đường hô hấp khác. Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	6.000
262	Test nhanh chẩn đoán Q Tsutsugamushi IgM/IgG Test	Phát hiện định tính kháng thể IgM/IgG kháng Orientia tsutsugamushi trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Vạch thử phù kháng thể đơn dòng kháng IgM/IgG người. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	3.000

ER

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
263	Test nhanh chẩn đoán Rota/Adeno Ag Test	Phát hiện kháng nguyên Rotavirus và kháng nguyên Adenovirus trong mẫu phân của người. Đối với Rotavirus: Độ nhạy 100%, Độ đặc hiệu 96.75% so với PCR và ELISA đánh giá trên 253 mẫu lâm sàng; Giới hạn phát hiện Xấp xỉ $2.3 \times 10^6 \sim 1.15 \times 10^6$ PFU/ml. Đối với Adenovirus: Độ nhạy $\geq 95\%$, Độ đặc hiệu $\geq 95\%$ so với PCR và ELISA; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	1.000
264	Bóng đèn Hồng ngoại	Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	114
265	Đầu côn 1000 μ l	Đầu côn xanh: Dung tích 1000 μ l, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Được thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	115.500
266	Đầu côn 200 μ l	Đầu côn vàng dung tích 200 μ l, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	294.000
267	Dầu parafin	Dầu parafin, được đóng chai ở dạng dung dịch lỏng trong, không màu, không mùi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	150
268	Đầu thử đường huyết	Sử dụng men Glucose oxidase (GOD) và peroxidase (POD). Dải đo đường huyết: từ ≤ 20 mg/dL đến ≥ 600 mg/dL hoặc từ ≤ 1.1 mmol/L đến ≥ 33.3 mmol/L. Dải đo Hematocrit $\leq 20\%$ đến $\geq 60\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	36.000
269	Đè lưỡi gỗ vô khuẩn	Sản xuất bằng gỗ tự nhiên, dùng trong y tế, đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	30.000
270	Điện cực dán	Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. Đầu giác nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	90.000
271	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn tiệt khuẩn, trọng lượng 82g. Không gây kích ứng da... Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn không độc hại, không có mùi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tube	2.400
272	Giấy điện tim 3 cần	Giấy điện tim 3 cần dùng cho máy Nihon Koden, Fukuda Denshi, Newtech 1503-Neu Cardio E3, ... (sọc cam). Kích thước ≥ 63 mm x 30m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cuộn	500
273	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước: 110mm x 1. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Tập ≥ 143 tờ	Tập	4.000
274	Giấy in monitor sản khoa	Kích thước: 150 mm x 100 mm x 150 tờ/ tập, dùng cho máy Monitor theo dõi sản khoa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tập	900
275	Giấy in nhiệt	Kích thước: 57mm x 30m; Chất liệu bằng giấy trắng in nhiệt dùng cho in máy sinh hóa, huyết học, nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	420
276	Giấy in siêu âm đen trắng	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. Kích thước 110 mm x 20 m. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	3.000
277	Huyết áp cơ	Đồng hồ đo áp lực hiển thị kim tiêu chuẩn cho người lớn, mặt đồng hồ màu trắng, chữ số màu đen, có hiển thị khoảng huyết áp thông thường, đường kính đồng hồ 50mm nhỏ gọn, có kẹp gài thuận tiện cho thao tác khi đo. Lưu lượng bơm của đồng hồ (khoảng đo) : 20 ~ 300mmHg. Độ chính xác(sai số) : ± 3 mmHg. Hệ thống bơm bằng cao su, quả bóp có van chắc chắn, dễ vận hành. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	500
278	Lam kính (đầu mài)	Kính soda vôi đạt chuẩn. Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") ± 1 mm. Hộp 72 chiếc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	5.000

✓

ER
etc

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
279	Lamen 22 x 22mm	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng được trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh. Kích thước (22x22) mm. Hộp ≥200 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	300
280	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp	Lọ nhựa tối thiểu từ PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ..., dung tích 55 ml. Kích thước: chiều cao 60 mm, đường kính 36 mm. * Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	11.400
281	Mỡ siêu âm	Gel siêu âm, Gel điện tim phù hợp tần số siêu âm đang sử dụng, phù hợp điện cực máy điện tim, điện não. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	2.000
282	Mô vệt inox cỡ nhỏ, trung, đại	Mô vệt loại nhỏ, trung, đại. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	30
283	Mô vệt nhựa	Mô vệt phụ khoa được sản xuất từ nhựa nguyên sinh có màu trắng trong, trơn, nhẵn bóng, có khóa điều chỉnh độ mờ. Mỗi cái/01 túi và được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	50.000
284	Nhiệt kế thủy ngân	Sản phẩm có Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. Dùng để đo nhiệt độ cơ thể. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	1.000
285	Ống thổi cho máy đo chức năng hô hấp	Giấy, dùng 1 lần. Sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100.000
286	Parafin (dầu vô trùng)	Parafin (dầu vô trùng) ống 5ml, dùng phục vụ cho sát khuẩn dụng cụ y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	30.000
287	Huyết áp điện tử	Màn hình LCD, có đèn chiếu sáng, Công nghệ đo dao động, Phương pháp đo: bơm hơi động lực học tuyến tính. Phạm vi hiển thị huyết áp: Từ 0-300 mmHg, Độ chính xác huyết áp hiển thị: ±3 mmHg. Phạm vi đo huyết áp không xâm lấn: Huyết áp tâm thu: 60-250 mmHg, Huyết áp tâm trương : 40-200 mmHg, Nhịp tim: 40-200 lần/phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30
288	Dầu soi kính	Chất lượng cao, cho góc chiết quang tốt nhất cho quan sát ở vật kính 100X. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	50
289	Que lấy bệnh phẩm	Dùng để lấy mẫu bệnh phẩm. Tiệt trùng từng chiếc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	15.300
290	Sáp Bone	Sáp cầm máu dùng cho xương Bone wax là hỗn hợp tiệt trùng gồm sáp ong trắng (80%) và isopropyl palmitate (20%). Mỗi gói chứa 2,5g sáp tiệt trùng. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.728
291	Tấm bông tiệt trùng	Chất liệu: ống, nắp, bằng nhựa, que bằng nhựa (hoặc gỗ), đầu cotton, chiều dài ≥15cm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	cái	50.000
292	Tinh dầu sả	Tinh dầu sả nguyên chất.	Lít	120
293	Đĩa Petri tiệt trùng	Nguyên liệu nhựa nguyên sinh GPPS, trong suốt, không mùi, ngăn, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30.000
294	Giấy in màu kết quả nội soi tai mũi họng	Giấy in phun. Sử dụng rộng rãi trong in ảnh, Giấy được sử dụng bằng nguyên liệu cao cấp để sản xuất, đặc biệt là lớp phủ bột và giấy tạo nên chất lượng ảnh in cao, không bay màu, màu sắc rõ nét không nhòe mực, khô nhanh, chống ẩm, chống nước tốt, giữ màu bền. Giấy in ảnh màu kết quả nội soi khổ A4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Tờ	20.000
295	Tấm trải nylon vô trùng (100x130cm)	Thành phần chính: túi nilon PE hoặc PP, chống thấm nước. Kích thước: 100x130cm. Đóng gói: Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	3.800
296	Túi camera vô trùng	Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, không rách, thủng, không kích ứng da...Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20.000

ER

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
297	Vôi soda	Vôi soda hấp thụ CO2 dùng trong gây mê. Cấu tạo gồm hỗn hợp CaOH + NaOH, Ca(OH)2: 82.08%, NaOH <4%, H2O 14-19%. Không chứa KOH. Khả năng ngậm (hấp thụ CO2) > 1kg vôi soda hấp thụ 130l CO2 (>26%). Chỉ thị màu: hạt từ trắng chuyển sang tím khi đạt cân bằng. Dạng rắn, kích thước hạt 4x2 mm, độ cứng 97%, độ ẩm 12-18%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	kg	1,000
298	Giấy điện tim dùng cho máy Philip	Giấy điện tim Kích thước: 215mm x 280mm x 200 tờ (dạng xấp), Sử dụng trên các máy điện tim 12 kênh Philips – Hewlett Packard. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	200
299	Mũ điện não	Mũ gắn điện cực điện não. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	50
300	Bao cao su bọc đầu dò siêu âm	Bao cao su bọc đầu dò siêu âm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	2,000
301	Băng huyết áp cho máy Monitor	Chất liệu TPU mềm; Có loại 1 dây và 2 dây. Tương thích với phần lớn các dòng Monitor theo dõi bệnh nhân. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	200
302	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Kim đầu cong 18G dài khoảng 80mm, thân kim có chia vạch. Có bơm tiêm giảm kháng lực. Catheter bằng polyamid không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm. Catheter có 3 lỗ thoát thuốc. Đầu nối catheter dạng nắp bật. Màng lọc với kích thước lỗ lọc ≤ 0.2 micron giúp tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. Bơm tiêm 20 ml, bơm tiêm 3ml và kim tiêm đi kèm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	2,000
303	Bộ mở nội khí quản	Bộ mở nội khí quản. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	15
304	Cây nòng đặt nội khí quản các cỡ	Kích cỡ: số 6, 10, 14 * Chất liệu: kim loại mảnh dễ uốn, phủ lớp nhựa mỏng bên ngoài; đầu bo tròn không gây tổn thương; cỡ ống 6Fr (đ.kính 2.0mm), 10Fr (đ.kính 3.3mm), 14Fr (đ.kính 4.9mm). Cho ống NKQ cỡ 3.5-5.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	350
305	Màng (quả) lọc thận nhân tạo	Màng (quả) lọc thận nhân tạo. Hệ số siêu lọc: 20 - 26. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Quả	6,000
306	Màng đóng thuốc tự động	Mặt trước có chữ thuốc sắc đóng túi, mặt sau có ghi hướng dẫn sử dụng. Kích thước: khoảng 400m x 10cm (DxR). Đóng túi loại: 180ml/túi. Chất liệu: PET/PE chịu nhiệt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	100
307	Nắp cao su dùng cho trocar 11 mm	Nút cao su đầu trocar 11 mm, gói ≥5 chiếc	Chiếc	300
308	Nắp cao su dùng cho trocar 6 mm	Nút cao su đầu trocar 6 mm, gói ≥5 chiếc	Chiếc	300
309	Nắp cao su dùng cho trocar cỡ 10 mm	Nút cao su đầu trocar 10 mm, gói ≥5 chiếc	Cái	300
310	Nắp cao su dùng cho trocar cỡ 5.5 mm	Nút cao su đầu trocar 5,5 mm, gói ≥5 chiếc	Cái	300
311	Nhang ngải cứu	Điều ngải, nhang ngải là lá ngải cứu phơi khô, tán thành bột mịn bỏ cọng đi và được ve thành mỗi ngải có kích thước dưới dạng điều thuốc lá dài khoảng 20cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Điều	3,000
312	Ống dẫn lưu màng phổi các cỡ	Ống thông màng phổi không có nòng Troca, đã tiệt trùng. Chiều dài 45cm. Chất liệu PVC không có DEHP. Có các số: FG 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40. Một đầu thon dần nối với bình hút dịch. Một đầu có đánh số từ mức 5, 10, 15, 20cm để xác định độ sâu của vị trí chọc tới. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	2,000
313	Phin lọc bạch cầu	Vật liệu Polyore than có độ xốp cao. Vật liệu vỏ: Polycarbonate. Thể tích máu mỗi: 38ml. Chất liệu dây dẫn PVC. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	200
314	Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần, không dây	Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần chất liệu PolyHesive hoặc tương đương, không dây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	9,000

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng KH
315	Tấm Điện cực trung tính người lớn	Gồm: 1 lớp keo để dán vào bệnh nhân, 1 lớp nhôm để dẫn điện, 1 lớp bột xốp. Dùng cho người lớn, kích thước: 112 x 179mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	700
316	Tấm Điện cực trung tính trẻ em	Cấu tạo: 1 lớp keo để dán vào bệnh nhân, 1 lớp nhôm để dẫn điện, 1 lớp bột xốp. Dùng cho trẻ em, kích thước: 99 x 132mm, dạng đứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	300
317	Túi chườm ngải cứu	Túi nước nóng, vải nilong ép nhựa, cực điện phân trong dung dịch nước, muối không gây độc hại cho người sử dụng, dùng để bọc ngoài giữ sạch túi, giữ ấm lâu hơn và bỏ lá ngải vào ngăn nhỏ khi cần chườm. Kích thước: $\geq 25\text{cm} \times 30\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chiếc	100

Handwritten signature